

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2012/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thanh tra lại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 31 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 658/TT-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2012 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2385/GTP-XBVB ngày 26 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thanh tra lại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Sở Tư pháp;
- Báo Khánh Hòa, Đài PTTH Khánh Hòa;
- Trung tâm công báo;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

QUY ĐỊNH

Về thanh tra lại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc thanh tra lại của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng tổ chức thanh tra; căn cứ, thẩm quyền thanh tra lại; quy trình thanh tra lại; mối quan hệ của Đoàn thanh tra lại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng tổ chức thanh tra; Trưởng đoàn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành; thành viên Đoàn thanh tra và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động thanh tra lại

1. Hoạt động thanh tra lại phải đảm bảo các nguyên tắc của hoạt động thanh tra lại được quy định tại Điều 7 Luật Thanh tra.

2. Hoạt động thanh tra lại chỉ được thực hiện khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 48 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THẨM QUYỀN, CĂN CỨ THANH TRA LẠI

Điều 4. Thẩm quyền thanh tra lại

Thẩm quyền thanh tra lại thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 47 Nghị định 86/2011/NĐ-CP và quy định sau đây:

1. UBND tỉnh ủy quyền Chánh Thanh tra tỉnh quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Giám đốc sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Đối với các vụ việc phức tạp, vụ việc có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, Chánh Thanh tra tỉnh báo cáo xin ý kiến của UBND tỉnh trước khi quyết định thanh tra lại.

2. Chánh Thanh tra tỉnh quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra huyện kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Giám đốc sở xem xét, quyết định việc ủy quyền Chánh Thanh tra sở thanh tra lại vụ việc đã được Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 5. Xác định căn cứ để thanh tra lại

Căn cứ thanh tra lại thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định 86/2011/NĐ-CP và theo các quy định dưới đây:

1. Khi phát hiện Kết luận thanh tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật, người có thẩm quyền thanh tra lại có văn bản yêu cầu người ký ban hành kết luận thanh tra có văn bản báo cáo cụ thể về những nội dung sai phạm trong quá trình tiến hành thanh tra, ban hành Kết luận thanh tra.

2. Căn cứ báo cáo của người ký kết luận thanh tra, người có thẩm quyền thanh tra lại chỉ đạo thanh tra viên hoặc lãnh đạo cơ quan xây dựng kế hoạch khảo sát trình cho Thủ trưởng cơ quan duyệt và tiến hành khảo sát để chuẩn bị thanh tra. Trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát, người có thẩm quyền thanh tra lại xem xét, đánh giá dấu hiệu vi phạm pháp luật trước khi quyết định thanh tra lại.

3. Các căn cứ để quyết định thanh tra lại được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, kể cả việc yêu cầu Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước hoặc Thủ trưởng tổ chức thanh tra báo cáo. Việc thu thập hồ sơ trực tiếp tại đơn vị do người có thẩm quyền thanh tra lại xem xét, quyết định.

Mục 2

QUY TRÌNH THANH TRA LẠI

Điều 6. Quy trình thanh tra lại

Quy trình thanh tra lại được tiến hành như một cuộc thanh tra hành chính theo quy định của pháp luật và theo các quy định dưới đây:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm

a) Căn cứ các nguồn thông tin thu thập được, người có thẩm quyền thanh

tra đưa vào kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phê duyệt thanh tra lại đối với Kết luận thanh tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật theo thời hiệu quy định tại Khoản 1 Điều 50 Nghị định 86/2011/ND-CP.

b) Các Kết luận thanh tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật phát sinh trong năm, không có trong kế hoạch thanh tra được tiến hành thanh tra lại dưới hình thức thanh tra đột xuất.

2. Nhân sự tham gia Đoàn thanh tra lại

Nhân sự của đoàn thanh tra lại do người có thẩm quyền thanh tra lại quyết định theo các quy định hiện hành trong việc lựa chọn người tham gia đoàn thanh tra. Người ký kết luận thanh tra, trưởng đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra là đối tượng của cuộc thanh tra lại không được tham gia đoàn thanh tra lại.

3. Nội dung Kết luận thanh tra lại

a) Đánh giá, làm rõ các dấu hiệu vi phạm pháp luật của Kết luận thanh tra, của đối tượng thanh tra và những sai phạm khác phát hiện trong quá trình thanh tra lại.

b) Xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân, trách nhiệm của người ký kết luận thanh tra; trách nhiệm tham mưu của trưởng đoàn thanh tra; các sai phạm của đối tượng thanh tra nhưng không được phát hiện và kết luận đầy đủ qua thanh tra.

c) Kiến nghị biện pháp chấn chỉnh, xử lý vi phạm về kinh tế (nếu có) và xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 7. Xử lý nội dung không thống nhất qua thanh tra lại

1. Khi không thống nhất với Kết luận thanh tra lại, đối tượng của đoàn thanh tra lại vẫn phải chấp hành kết luận của người có thẩm quyền thanh tra lại và kiến nghị, phản ánh lên cấp trên để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thanh tra sở báo cáo nội dung không thống nhất của đối tượng thanh tra với Giám đốc sở để xem xét, kết luận, xử lý. Thanh tra tỉnh báo cáo nội dung không thống nhất của đối tượng thanh tra với Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, kết luận, xử lý.

2. Khi có ý kiến không thống nhất, Chánh Thanh tra sở vẫn phải chấp hành ý kiến chỉ đạo của Giám đốc sở nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh để được giải quyết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Thanh tra.

3. Khi có ý kiến không thống nhất, Chánh Thanh tra tỉnh vẫn chấp hành ý

kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo với Tổng Thanh tra Chính phủ để được giải quyết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 Luật Thanh tra.

Mục 3

MỐI QUAN HỆ CỦA ĐOÀN THANH TRA LẠI

Điều 8. Quan hệ giữa Đoàn thanh tra lại với Đoàn thanh tra bị thanh tra lại

Trưởng đoàn thanh tra chịu trách nhiệm cung cấp tất cả hồ sơ, tài liệu thu thập được trong qua thanh tra trước đây và giải trình các chứng cứ, tài liệu dùng để kết luận thanh tra để Trưởng đoàn thanh tra lại xem xét, kết luận.

Điều 9. Quan hệ giữa Đoàn thanh tra lại với người đã ký kết luận thanh tra bị thanh tra lại

Người ký ban hành kết luận thanh tra vi phạm pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo Trưởng đoàn thanh tra, Thủ trưởng cơ quan có liên quan đến kết luận thanh tra thuộc quyền quản lý phải kịp thời cung cấp các hồ sơ, tài liệu đã thu thập trong quá trình thanh tra cho Đoàn thanh tra lại, không được để kéo dài; đồng thời, chịu trách nhiệm giải trình các chứng cứ, tài liệu dùng làm căn cứ để kết luận thanh tra.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THỰC HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng